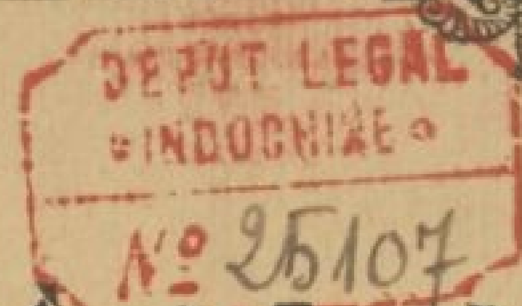
16°
Indoch
Y-8



CHỈ ĐƯỜNG VỀ NHÀ

Tác-giả :

BÍCH-LIÊN

TRÍ-HẢI HÒA-THƯỢNG

Tỉnh Bình-Định

XỨ TRUNG-KỲ

HIỆP-KHẢO

ĐỆ-TỬ CHÙA BÍCH-LIÊN

Đại-Vân Cư-sĩ **Giải-Quán Cư-sĩ**

1939

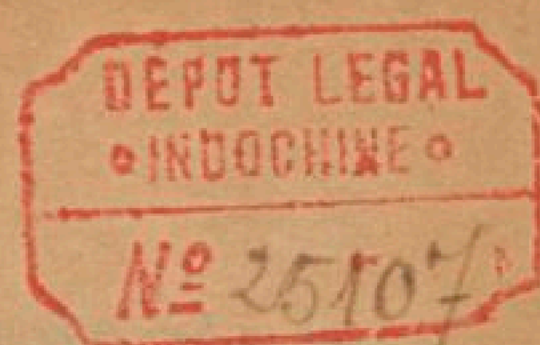
Quyển sách nầy bổ ích cho người tu niệm được nhiều, xin quí ông quí bà vui lòng ấn tống làm phước, chúng tôi không giữ bổn quyền, nhưng không được in bán lấy lợi.

Imp. DUC-LUU-PHUONG

158, Rue d'Espagne

SAIGON

78


DÉPOT LÉGAL
INDOCHINE
N° 25107

Bài tựa duyên khởi

*Kinh nói : trong cửa Phật sự, phải coi theo thời tiết nhơn duyên, có khi tụ, có khi tản, có khi đáng tới, có khi nên lui ; từ năm 1936 lão-tăng thôi làm chủ-bút Từ-Bi-Âm, thì lão lui về Bích-Liên dưởng nhàn thú tịnh, song chẳng biết cớ gì mà danh-hiệu của lão, còn để đứng vào mặt Từ-Bi-Âm, và cũng chẳng biết đệ-tử của lão là phó-bút Liên-Tôn đạo-nhơn còn ở tòa-soạn biên lập Từ-Bi-Âm nữa không, nhứt thế lão không hỏi tới và cũng không hiểu tới một việc chi nữa cả. Đó là một sự nhứt kỳ phó cảm về cuộc nam-du của lão, tưởng đã cuối cùng ; dè đâu tháng trước mới rồi đây, có một thiện-nữ pháp-danh Diệu-Lộc ở tỉnh Chợlớn phát tâm bồ-đề cần cầu lão-tăng xin làm một quyển "***Tịnh-độ pháp-nghi***" đủ cả vấn-đề và pháp tắc tu niệm, thế nào cho được sự-lý viên-thông, ấn-hành lưu-bố, khiến tất cả nhơn-quần ai cũng đều uống nước biết nguồn, thoát cho khỏi cái tệ vào sông đếm cát ;*

16° Indoch.
78


R.F.

vì cái nhơn duyên như thế, nên lão phải đem cái kiến thức hẹp hòi của lão ba mươi dư năm, nghiên-cứu được cái pháp-môn tối thắng, mà viết thêm ra quyền sách nầy, cùi xin mười phương đạo hữu nhà ta, để lòng suy xét cho tường, họa may có phần ích lợi chung, mà ngòi bút của lão cũng được phần quang thể vậy.

BÍCH-LIÊN TRÍ-HẢI
Kính cáo.



CHỈ ĐƯỜNG VỀ NHÀ

Thiên hạ thiếu chi đường, đường quan, đường tư-ích, đường núi đường sông, đường trường đường tắt, đường bằng đường hiểm, đường nhơ đường sạch, tung hoành lẫn lộn, biết cơ vạn nào là đường, nhưng đường tuy nhiều, mà đến khi về nhà thì chỉ do một nẻo.

Lại tuy do một nẻo, nhưng có người nhớ đường người quên đường khác nhau; người nhớ đường thì trước khi chưa về, mà nẻo đường trong tâm trí đã tự nhiên minh bạch rồi, bất tất đợi ai chỉ dẫn, chí như người quên đường thì không phải như vậy.

Tức như có người thuở bé hoang tâm, vong cha mẹ bà con nhà cửa làng xóm, đi đến các chỗ xa xứ, du đãng tự-do, ngụ-bạ bình-bồng đến ba bốn mươi năm, chẳng may gặp phải đều chi thống khổ, chê chán quê người, mới trực tỉnh thân mình như bèo trôi mây nổi, không biết nương dựa vào đâu.

Khi ấy trong lòng khởi đủ cái tư-tưởng nhớ cha nhớ mẹ nhớ bà nhớ con, nhớ xứ sở làng xóm, phăng phăng muốn cất bước ra về, nhưng hại

thay đường sá đã quên, gia hương cũng không nhớ. Ôi thôi! bốn phương mây trắng một mầu, trông vơi cố-quốc biết đâu là nhà; tứ cô vô thân, hồi-hồi ngơ-ngẩn, bất dĩ phải tìm người chĩ dẫn cho.

Lại tuy chĩ dẫn nhưng cũng có người tỏ người mù khác nhau; như may mà gặp người tỏ, thì họ dẫn về tới nhà, còn chẳng may mà gặp phải người mù, thì bất miễn nó dắc đi lạc bậy, bởi mình không biết đường, tức là mình đã mù rồi, mà nó lại mù nữa, thì làm sao đi nhằm, người thường nói quần manh dẫn quần manh là vậy.

Do sự tục mà xét sự đạo cũng như thế; hiện thời thế giới không biết bao nhiêu là đạo, trừ các đạo của tôn-giáo, ngoài ra lại có nhiều thứ yêu tinh cũng xưng là đạo, hoặc xưng đạo Trời, hoặc xưng đạo Phật, hoặc xưng đạo Thánh, hoặc xưng đạo Tiên, phụ cơ giáng bút, giả hiệu mạo danh, đó là lũ đại-quỉ có thế-lực.

Còn lủ tiểu-quỉ thì lên đồng dựa cốt, xưng Ông xưng Bà, xưng Cô xưng Cậu, xưng đạo bề trên, cứu dân độ thế; nó làm cho nhơn tâm điên đão, tin bậy theo càng, vì một sự cầu danh cầu lợi cầu phước cầu duyên, mà quên lựa đường phải đường vơ đường tà đường chánh, thiệt hại biết là chừng nào.

Vô luận những hạng người ngu-phu ngu-phụ, không đủ trách chi, chỉ tiếc cho lắm kẻ râu mày,

có học thức nhiều ít, có danh giá vinh vang, mà cũng tín-hướng, cũng sùng bái, thậm chí đến nổi kêu vợ rũ chồng, khuyên anh dỗ chị, đành đem cái thân vàng ngọc, của huyết-tài, qui gối cúi đầu mà cúng dưng dưới cái cọ-tre cùn và dưới cái gì của lủ đội khăn ợ ngáp, tội chưa?

Than ôi! biển lòng sóng dậy, gương tánh bụi lờ, tất cã chúng sanh ai lại chẳng quên cái bổn-thể chơn-như, mà lưu lạc theo miền dị-lộ; tham danh mến lợi, nhốt thân tâm trong củi phong-trần; vào tử ra sanh, gởi hồn phách giữa giòng ba-lãng, đó có khác nào vong cha, vong mẹ, vong bà con làng nước, đem thân mà ký ngụ nơi quê người đất khách kia.

Cập kỳ ngày nay gặp nhằm cái thế cuộc phân vân, nó đem cái tình cãnh đắng mắt chua gan; mà nó xúc động cái tư-tưởng quày đầu trở gót, kẻ ngó đông tây, người nhìn nam bắc, tìm đường kiếm ngỏ, hầu mong giải thoát về kiếp sau, đó có khác nào người đi hoang kia, đến khi chê chán cãnh người, phải tính mà thối bộ về quê cha đất tổ.

Vật cùng tắc phản, diệp lạc qui căn, công lý xưa nay vẫn vậy; song ngặc vì chúng-sanh mê tánh đã lâu, tuy con đường chánh lộ còn nguyên hiện như xưa, mà kẻ nhớ thì ít, kẻ quên thì nhiều, thành thử cái nẻo xu-hướng của chúng-sanh ngày nay, bị cái lủ quán manh nó dẫn đường lầm lạc không thể nói được.

Chúng tôi luận thuyết như thế, chắc có kẻ hỏi rằng : như các thứ tà ma, nó mượn Phật, mượn Thánh mượn Thần, mượn Tiên, nó yêu danh đồ lợi chẳng nói chi; đến như ông Trời Ngọc-Hoàng Thượng-Đế là cao thượng hơn hết. Ngài chỉ dùng một con mắt cũng đủ soi thấy tất cả thế-gian; nay ngài hạ trần, viết kinh viết sách, dạy bảo có nhiều phép lạ, cứu độ có nhiều chuyện linh, vậy cũng nên tín hướng, cũng nên ỷ lại chớ ?

Cái vấn-đề ấy, chúng tôi xin giải quyết rằng: Vô-luận ông Ngọc-Hoàng Thượng-Đế là bực Trời ở thấp nơi dục-giới, đến các Trời ở về sắc-giới, không giới, tài trí cao hơn vạn bội, ông Ngọc-Hoàng Thượng-Đế nữa, cũng không thể gì cứu độ chúng sanh được; bởi các Trời cũng là một chúng sanh tại mê ở trong lục đạo, chưa tỏ được bổn Phật. Tuy hưởng phước nhiều hơn nhơn đạo, nhưng đến khi phước hết cũng bị luân-hồi, tự độ chưa rồi, nói chuyện độ ai; đó chẳng qua ma quỉ nó mạo xưng, nó ăn cắp những câu lý-thuyết lặt-vặt của các Tôn-giáo, nó cọ bậy bạ, nó vu cho ông Ngọc-Hoàng, chớ ông Ngọc-Hoàng đâu có lẽ phụ cơ-cốt mà vọng-ngữ, làm sự phi vi nhỏ mọn, phỉnh giỗ những người vô trí như vậy.

Chúng ta phải biết, chúng ta sanh nhằm đời mạc-kiếp, thiện điểm đương tiêu, ác điểm đương thạnh, chánh đạo đương ẩn, tà đạo đương hưng; rất đỗi trong cửa Phật, ma quỉ nó còn chen vào,

nó lộng hành lắm chuyện phi-pháp, huống chi là các đạo khác, nay chúng ta muốn ra khỏi tam-giới lục-đạo, về đền quê kiền an-lạc, thì quyết phải lựa đường.

Đạo-lưu đã lựa được đường nào chánh là đường về nhà chưa?

Nếu con mắt của đạo-lưu đối với thời-gian nầy, thấy có nhiều đạo hưng hành, đạo nào cũng xưng cao xưng lớn, đạo nào cũng làm phước làm lành, khiến cho tâm trí của đạo lưu bối rối, không biết đạo nào là chánh, thì đạo lưu sẽ ngó thử coi các nước toàn-cầu ngày nay, đạo nào thạnh hơn, những kẻ anh hùng hào-kiệt, học giỏi trí-rộng tài-cao, xu-hướng đạo nào đông hơn, rồi cứ đó mà theo thì chắc-nhầm.

Nếu muốn biết đường hơn thua, thì chúng tôi hiện có một mối tin tức đủ làm chứng cớ; hai mươi năm trước đây, tại năm Bính-thìn, các nhà đại-học-thức bên Tàu, có kê đăng số tín-đồ của các tôn-giáo vào quyển Phật-học-dị-giải, chúng tôi xin dịch lại hiến cho độc-giả xem.

Tín-đồ của Phật-giáo ở nam-phương ước hai ngàn chín trăm bốn mươi lăm vạn ba ngàn (29.453.000) người.

Ở bắc-phương ước bốn ức sáu ngàn tám trăm chín mươi ba vạn (468.930.000) người.

Tín-đồ của giáo Ba-tư ước năm mươi lăm vạn (550.000) người.

Tín-đồ của giáo Du-thái ước sáu trăm ba mươi vạn (6.300.000) người.

Tín-đồ của giáo Bà-la-môn ước một ức bảy ngàn vạn (17.000.000) người.

Tín-đồ của giáo Hồi-hồi ước một ức năm ngàn năm trăm vạn (155.000.000) người.

Tín-đồ của giáo Gia-tô ước ba ức hai ngàn bảy trăm vạn (327.000.000) người.

Giảo lượng tín-đồ, thì chỉ có số tín-đồ của Phật-giáo là nhiều hơn, không giáo nào bì kịp; nhưng số ấy còn thuộc về số năm 1916, chớ chưa phải số ngày nay. Vì mấy năm gần đây, triền-lưu của Phật-giáo đã tràn lang khắp cả toàn-cầu, tín-đồ mỗi ngày mỗi thêm, không những như số trên ấy.

Trong quyển Phật-học-dị-giải lại có tính riêng số tín-đồ của Phật-giáo ở các nước, mỗi nước bao nhiêu kể như sau đây:

Nước Hòa-lang, lãnh Qua-khuê năm vạn (50.000) người.

Nước Anh, lãnh A-tư-tắc-mụ-lai-má-y-hương-cảng năm mươi vạn (500.000) người.

Nước Nga lãnh khuê-la-khai-tư-khải-nhì-ma-khắc sáu mươi vạn (600.000) người.

Nước Thát-đát-tây-tỉ-lỵ-á mười vạn (100.000) người.

Nước Triều-tiên bảy trăm vạn (7.000.000) người.

Nước Bồ-đơn-tây-khoa-khai-mụ một trăm vạn (1.000.000) người.

Nước Khải-tây-mậu hai mươi vạn (200.000) người.

Nước Tây-tạng sáu trăm vạn (6.000.000) người.
Nước Mông-cổ hai trăm vạn (2.000.000) người.
Nước Mãn-châu ba trăm vạn (3.000.000) người.
Nước Nhựt-bổn ba ngàn ba trăm tám mươi vạn (33.800.000) người.
Nước Tàu bốn ức một ngàn bốn trăm sáu mươi tám vạn (4.014.680.000) người.

Mười hai nước ấy ở phía bắc, gọi là Bắc-phương Phật-giáo. Còn sáu nước ở nam-phương lại kể sau đây :

Nước Tích-lôn một trăm năm mươi hai vạn (1.520.000) người.
Nước Anh lãnh Miến-điện hai trăm bốn mươi bốn vạn tám ngàn (2.448.000) người.
Nước Miến-điện ba trăm vạn (3.000.000) người.
Nước Xiêm-la một ngàn vạn (10.000.000) người.
Nước Ấn-độ bốn mươi tám vạn năm ngàn (485.000) người.
Nước Nam-việt một ngàn hai trăm vạn (12.000.000) người.

Nghiệm đó thì đủ biết đi theo nẻo đường Phật-giáo chắc khỏi lầm lạc; bởi các nhà Khoa-học Triết-học trí-thức tư tưởng cao hơn chúng ta vạn vạn phần, mà người ta đã nghiên-cứu đã khuynh-hướng rồi cả; các sách tân-thơ và các báo-chương cũng đã có đăng minh-bạch, chúng ta còn phải nghĩ phải xét làm chi nữa cho phiền.

Từ trước đến đây mới chỉ đường chớ chưa chỉ nhà, nếu muốn biết nhà xin xem bài sau.

NHÀ TẠI XỨ TỊNH-ĐỘ

Chúng-sanh trong thế-giới, bị nghiệp-nhơn nó lôi kéo vào sáu đường bảy thú, thì đâu đâu vẫn cũng có nhà; như sanh về cõi trời thì có nhà thiên-đường, sanh về cõi tiên thì có nhà tiên-cung, sanh về cõi người thì có nhà nhơn-gian, sanh về cõi Tu-la thì có nhà hải-khốt, sanh về súc-sanh thì cây đá đất nước là nhà, sanh về địa-ngục thì núi Thiết-vi-thành là nhà.

Các thứ nhà ấy tuy có nhà phước nhà tội, nhà sướng nhà khổ khác nhau, nhưng cũng đều ở trong thế-giới Ta-bà, mà thế-giới Ta-bà là một cõi giả - dối nhơ nhớp, « thành », « trụ », « hoại », « không », biến thiên bất định; « sanh », « tử », « thọ », « yểu », lưu chuyển vô thường; thay hình đổi xác, lặn đó mọc đây, hoặc ra nhà phước vào nhà tội, hoặc ra nhà khổ vào nhà sướng, dời đổi luôn luôn, không có chỗ nào là chỗ cửu trụ.

Thế thì đất nước của chúng ta ở nơi cõi Ta-bà là đất khách, nhà cửa của chúng ta ở nơi sáu đường bảy-thú là nhà ngụ, còn thân-thể của chúng ta ở trong vòng sanh-tử luân-hồi là thân chiêm-bao. Thân đã thân chiêm-bao, đất cũng đất khách, nhà lại nhà ngụ, mà chúng ta cứ du-đãng mãi,

không biết lo biết sợ, đó cũng bởi đương tại mê chớ gì; tại mê nên quên cả thân gia, cũng như người say còn biết gì phải chẳng.

Nhưng mà thôi, cái cuộc say mê lưu lạc của chúng ta đã lở rồi, không cần nhắc lại làm chi; bây giờ chúng ta phải thức tỉnh mau mau, phải bỏ tất cả những sự phóng đảng ăn chơi nơi quán cơm nhà rượu, phải ly tất cả những bạn phong trần lợi dục nơi cảnh lạ duyên quen, phải nhớ cha nhớ mẹ nhớ quê xưa đất tổ, phải sắm sanh hành lý, phải hỏi ngỏ tìm đường, chóng chóng về nhà đặng tính bề an thân lập mạng.

Đạo-lưu, đạo-lưu đã nhớ lại nhà của chúng ta ở tại xứ nào chưa? Tôi dám chỉ quyết nó ở tại xứ Tịnh-độ, vì sao mà tôi dám chỉ quyết như vậy? Bởi từ kiếp vô-thủy nhẫn trước, chơn-thân của chúng ta nguyên là đồng một thể chơn như ở xứ Tịnh-độ, song chơn-như đã có « thể » thì tức có « dụng », thể thì bất biến, dụng thì tùy duyên; tùy duyên nên mới có thế-giới chúng-sanh, có thế-giới chúng-sanh, nên mới có nhơn quả tội phước, có nhơn quả tội phước, nên mới có phân ra sáu đường bảy thú.

Sáu đường: 1° đường trời, 2° đường người, 3° đường tu-la, 4° đường súc-sanh, 5° đường ngạ-quỉ, 6° đường địa-ngục;

Sáu đường ấy thêm vào một đường tiên, gọi là bảy thú.

Trong bãy thú ấy, chúng-sanh đều có nghiệp-quả riêng, không phải như lúc đầu tiên mới phát nghiệp; lúc đầu tiên mới phát nghiệp chỉ có « tâm » và « sắc » hai thứ, tâm tức là cái tâm vọng tưởng, sắc tức là cái sắc tứ-đại, tứ-đại tức là đất, nước, lửa, gió.

Từ cái sắc đất nước lửa gió và cái tâm vọng-tưởng hòa hiệp nhau, mới biến khởi ra nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý; sáu căn ở trong; sáu căn đã biến khởi ở trong, mới có sắc, thinh, hương, vị, xúc, pháp, sáu trần vọng hiện ở ngoài, đến khi ấy căn trần đối nhau, mà cái tạng-thức mới phân khai ra cái « thấy » cái « nghe » cái « biết » cái « hay »; từ có cái thấy nghe biết hay, mới có sanh ra đủ điều, tạp-nhiễm; từ có tạp-nhiễm mới có nghiệp quả của bốn loài « noãn », « thai », « thấp », « hóa » ở trong sáu đường bãy thú.

Noản sanh, tức là loài sanh trứng, như cá, chim, rùa, rắn vân vân.

Thai sanh, tức là loài sanh thai, như tiên, rồng, người súc, vân vân.

Thấp sanh, tức là loài sanh về chỗ ướ́c, như các thứ mạy cựa ở dưới đất vân vân.

Hóa sanh có hai thứ, một thứ vô-tình, một thứ hữu-tình.

Thứ vô-tình thì ly cái nguyên-chất mà thoát hóa ra vật khác, như lông hóa sâu, gạo hóa mọt, cõ hóa đôm-đốm vân vân.

Thứ hữu-tình thì không có nguyên-chất, không có chỗ y thác vào đâu, tự nhiên mà hóa sanh hình trạng, như các trời và các địa-ngục vân vân.

Thai, noản, thấp, hóa, thuộc về bốn cái nghiệp cãm « tình », « tưởng », « hiệp », « ly » ; bởi có cãm mới có ứng, như loài thai thì ứng theo tình-ái mà sanh, loài noãn thì ứng theo vọng tưởng mà sanh, loài thấp thì ứng theo hiệp, tức là nương dựa khí thấp mà sanh, loài hóa thì ứng theo ly, tức là bỏ đây tới kia mà sanh ; song tình tưởng hiệp ly tuy phân bốn loài, nhưng không phải loài nào nhứt định loài nấy.

Bởi nhơn quả tội phước của chúng-sanh tạo ra, có khi ít khi nhiều khi nặng khi nhẹ, nay vầy mai khác, tráo chác vô thường, nên chỗ cãm ứng của chúng-sanh cũng điên đảo bất định ; hoặc tình biến làm tưởng, hoặc hiệp biến làm ly, hoặc noãn đổi làm thai, hoặc thấp đổi làm hóa, có thứ bay trở làm thứ lặng, như chim sẻ hóa làm vọp, vân vân. Có thứ lặng trở làm thứ bay, như cá hóa làm rồng vân vân. Có loài người trở làm loài súc, như ông Tăng-thâm thành rắn vân vân. Có loài súc trở làm loài người, như ngài Long-nữ thành Phật vân vân.

Thân của chúng-sanh ở trong nhà tam-giới, đã lăn lộn phi thường như vậy, huống chi gặp đời ngũ-trược, gần kiếp tam-tai, sự thống khổ sau đây còn thiên bội vạn bội hơn nữa, chịu sao cho

xiết, chi bằng nhứt niệm hồi quang, trở về xứ tịnh-độ là xứ nhà củ của ta; đã thoát nẻo luân-hồi, lại được cảnh thanh-tịnh, có đủ cha mẹ thân bằng, có đủ phong quang tốt đẹp, kiếp kiếp không trở lui, đời đời ở đó mãi; vậy không sung sướng sao.

Phong quang của xứ tịnh-độ, tốt đẹp không thể khen ngợi cho hết; các kinh Tịnh-độ Phật cũng chĩ nói lược ít món, như bảy lớp thành, bảy lớp cây, và bảy lớp lưới trùm trên cây, cho đến sân hè đường sá, cũng toàn là bốn thứ ngọc quí báu, hiệp lại mà tạo thành ra cả; chí như nhà cữa thì toàn là lầu cát, mà lầu cát thì toàn dùng bảy thứ báu: 1· vàng, 2· bạc, 3· ngọc lưu-ly, 4· ngọc pha-lê, 5· ngọc xa-cừ, 6· ngọc xích-châu, 7· ngọc mã-não, nghiêm sức tất cả toàn cuộc.

Lại chẳng những mấy món ấy là vật quí hóa, đến chim hoa nước đất cũng vậy; đất thì toàn là vàng hoàn-kim và ngọc lưu-ly; nước thì nước ma-ni chứa đầy trong ao thất-bảo, đủ có tám thứ công-đức; hoa thì có Sen bốn sắc, xanh vàng đỏ trắng, thường phóng ánh sáng; chim thì có chim Anh-võ, chim Xá-lợi, chim Ca-lăng-tần-dà, chim Cọng-mạng, chim Bạch-hạc, chim Khổng-tước; thường diễn phép mầu; còn bông của các trời cúng, thì rưới xuống như mưa, nhạc của các trời hầu, thì khua vang như sấm, mắt ngó tai nghe, sự vui không thể nói được.

Đại để cảnh huống trong cõi tịnh-độ, vật chi vật chi cũng đều là vàng ngọc châu báu thành ra, không phải vật tạp uế như cảnh huống trong thế-gian, vì các vật trong thế-gian giai là vật nghiệp tội ; còn vật nơi tịnh-độ, là vật của tự-tánh phát hiện, và nguyện-lực của đức Di-Đà biến hóa, quang minh thanh tịnh, tất cả cõi người và cõi trời không có một vật chi địch lại, đó là cảnh ; còn người thì toàn là tướng trai, không có tướng gái, vì phụ nữ trong thế-gian đến khi lâm-chung vãng-sanh, thì biến thành nam tướng cả.

Hỏi. — Nguyên-nhơn tại sao mà có cái cảnh-giới hi-kỳ như vậy ?

Bởi chỗ ở của chúng-sanh có hai cõi, một cõi tịnh-độ, một cõi uế-độ ; cõi tịnh-độ tức là thế-giới cực-lạc, cõi uế-độ tức là thế-giới ta-bà, thế-giới ta-bà gốc do nơi nghiệp-lực của chúng-sanh tạo ra, thế-giới cực-lạc gốc do nơi nguyện lực của đức Di-Đà tạo ra ; do Phật-lực tạo ra nên hết bực trang nghiêm trong sạch ; do nghiệp-lực chúng sanh tạo ra nên hết bực khổ não nhơ nhớp, sự lý ấy sẽ có dẫn kinh lực giải như sau.

Kinh Cổ-âm-Vương nói : « Kiếp quá-khứ có vua nước Diệu-hỷ, tên là Kiều-thi-Ca, cha của vua tên là Nguyệt-Thượng, làm vua chuyển-luân, mẹ của vua tên là Thù-thắng-diệu-Nhan, sanh được ba trai, anh của vua tên là Nguyệt-Minh, em của vua tên là Đề-Chúng.

Đương thời-kỳ ấy có Phật ra đời, hiệu Thế-Tự-Tại-vương-như-Lai, Kiều-Thi-Ca phát bồ-đề tâm,

đương làm vua mà bỏ nước bỏ ngôi, đầu Phật xuất gia, hiệu là Pháp-Tạng-Ti-khưu ».

Kinh Đại-Di-Đà nói : « Pháp-Tạng-Ti-khưu, tới tại chỗ Phật Thế-Tự-Tại-Vương, phát cái tâm vô-thượng ; khi ấy Phật nói ra hai trăm ức cõi Phật, ứng theo tâm-nguyện của ngài Pháp-Tạng, ngài Pháp-Tạng liền cúi đầu lễ Phật, phát bốn mươi tám lời thệ nguyện, trong có lời nguyện rằng : giả sử khi ta được làm Phật, mười phương chúng-sanh, hết lòng tin ưa, muốn sanh về trong nước Tịnh-Độ của ta, niệm danh hiệu ta từ số nhiều cho đến số mười niệm, mà nếu chẳng sanh được, thì ta thề chẳng lấy bực chánh-giác ; nhưng trừ những người phạm tội ngũ nghịch, và khinh miệt chánh pháp không được vãng-sanh ».

Kinh Bi-Ba nói : vô-lượng kiếp trước, có vua chuyển-luân tên là Vô-tránh-Niệm, lại có một người tôi đại-thần tên là Bảo-Hải, vua tôi kết làm bạn thiện-tri-thức, đồng tới chỗ Phật Bảo-Tạng, phát bồ-đề-tâm, vua phát nguyện rằng : ta tu đại thừa, nguyện mở cõi tịnh-độ, tiếp dẫn chúng-sanh, chớ không nguyện ra uế-độ ; vì thế nên đến khi quả mãn thành Phật, hiệu là A-Di-Đà, hiện cõi tịnh-độ ; còn tôi là Bảo-Hải, thì nguyện ra uế-độ, giáo hóa chúng-sanh, nên đến khi quả mãn thành Phật, hiệu là Thích-Ca-mâu-ni, hiện thân nơi cõi ta-bà, giáng sanh tại nhà vua Tịnh-Phạn.

Tuy nhiên, đức Di-Đà, đức Thích-Ca lập nguyện vẫn khác nhau, nhưng lòng từ-bi tiếp độ thì thiệt

là đồng nhau, hai bên thiệt là tương tợ nhau ; nếu đức Di-Đà mở cõi tịnh-độ mà không có đức Thích-Ca giới thiệu, thì ai biết mà tu tịnh-độ, mà nguyện vãn-sanh ; còn nếu đức Thích-Ca giáo hóa cõi ta-bà, mà không có đức Di-Đà tiếp-dẫn, thì làm sao chúng-sanh về tới cái cảnh quang minh thanh tịnh, nếu về không tới cảnh quang minh thanh tịnh, thì làm sao thoát cho khỏi cái nẻo sanh-tử luân-hồi.

Đức Thích-Ca biết căng khí của chúng-sanh trí ngu có khác, lòng của chúng-sanh ưa muốn chẳng đồng, nên ngài dạy tu hành tuy có nhiều pháp ; song pháp tuy nhiều, mà lý thì chỉ có một, pháp nào cũng là pháp dắc người ra khỏi sông mê, lên tới bờ giác mà thôi, chớ không ý chi lạ ; nhưng ý tuy không lạ, ma cái chỗ làm công-phu thì có pháp khó pháp dễ, pháp cao pháp thấp khác nhau, tức như pháp thiền-định, pháp kinh-giáo, pháp giới-luật, pháp quán-tưởng ; mấy pháp ấy đều thấp hơn pháp tịnh-độ, và khó tu hơn pháp tịnh-độ cả.

Bởi pháp thiền-định là một pháp cứu cảnh viên đốn, nếu không phải bực người lợi căng thượng trí, thần lãnh ý giải cho thấu đáo, thì không khỏi dọa vào thiên-không, và bị mười thứ ma nó phi tinh nhập tâm ; huống chi pháp ấy chỉ thâu được bực thượng-căng, chớ không thâu được bực trung bực hạ ; còn pháp kinh-giáo là một pháp để nghiên-cứu tam-thừa, nhưng nếu không phải người đặng cá quên nôm, nhơn ngón tay thấy mặt nguyệt,


BIBLIOTHÈQUE NATIONALE R.F. IMPRIMÉS

thì không khỏi chôn đầu mãi vào trong mấy bộ giấy cũ, nhọc mà không công.

Chí như pháp giới-luật là một pháp hộ sự lành, ngăng sự dữ, nhưng nếu không phải người thân và tâm đều đặng thanh-tịnh, trong ngoài in nhau như một, thì không khỏi tự trói buộc lấy mình, khổ mà vô ích ; còn pháp quán-tưởng là một pháp tịnh lòng tỏ trí, nhưng khốn thay lòng không dễ tịnh, trí không dễ tỏ, bởi pháp ấy là một pháp để dụng tâm quán cảnh, mà cảnh thì vi-tế huyền diệu, còn tâm thì thô trọng tán loạn, dầu có tưởng cũng vọng-tưởng, có quán cũng tà quán ; nên chư Tổ thường nói : *quán tưởng nan thành,* chư Tổ còn nói vậy, huống chi chúng ta là bực phàm-phu.

Vã chúng-sanh ví như người bịnh, bịnh tuy nhiều chứng, nhưng xét cho thấu cái bịnh căng thì chỉ có hai chứng rất nặng : 1° chứng vô-minh-mê-ám, 2° chứng sanh-tử-luân-hồi ; nếu chữa được hai chứng ấy, thì tất cả bịnh của chúng-sanh tức thì dứt hết, không còn mê mang trầm nịch trong biển khổ nữa ; song muốn chữa lành hai chứng ấy, thì phải tìm thầy, phải dùng thuốc. Thầy là ai ? tức là Phật, thuốc là gì ? tức là pháp của Phật.

Lại thầy tuy nhiều, mà Phật Di-Đà là thầy lương y thứ nhứt, thuốc tuy nhiều, mà pháp tịnh-độ là thuốc chữa bịnh thứ nhứt ; bởi danh hiệu của đức Di-Đà nghĩa lý tuy rộng, nhưng cốt yếu thì chỉ có hai nghĩa : 1° nghĩa Vô-lượng-quang, 2° nghĩa Vô-

lượng-thọ ; Vô-lượng-quang tức là cái ánh sáng quang minh của Phật không lường được, Vô-lượng-thọ tức là cái tuổi sống lâu của Phật không lường được ; vì thế nên Phật Thích-Ca giới-thiệu cho chúng ta, bảo chúng ta chuyên niệm Phật Di-Đà, tu pháp tịnh-độ, thì dũ cã thầy đâu cả thuốc, thầy đâu thuốc đó, thuốc đâu thầy đó ; còn chúng ta tu niệm là người bịnh uống thuốc.

Bịnh vô-minh mê-ám, thì uống thuốc vô-lượng-quang, bịnh sanh-tử luân-hồi, thì uống thuốc vô-lương-thọ ; thuốc vô-lượng-thọ đối trị chứng sanh-tử luân-hồi, thuốc vô-lương-quang đối trị chứng vô-minh mê-ám. Hai chứng ấy lành, tức là bịnh phục được cái thể-tánh chơn-như bổn-giác, bổn-giác đã phục, thì quyết định thành Phật đã thành Phật, thì cũng có nguyện lực ứng hiện sắc thân, ra các thế-giới tiếp độ chúng-sanh như các Phật vậy.

Tu pháp tịnh-độ đã dễ, mà lại chắc thành Phật như vậy, nên trong kinh Di-Đà, sáu phương Phật đồng khen pháp ấy rất lớn rất mầu, không thể nghĩ được nói được ; lại như các kinh tối-thượng-thừa, như kinh Hoa-Nghiêm, kinh Pháp-Hoa tuy nói « viên » nói « đốn », nhưng rốt ráo rồi cũng dạy người tu hành phải hồi-hướng về tịnh-độ, nếu ly tịnh-độ, thì không khỏi sai lạc, xưa nay những người tu thiền mà không tịnh-độ, đã bị thối chuyển nhiều rồi, nên trong kinh nói : *ninh vô thiền bất ninh vô tịnh-độ*. Nghĩa là : thà không

hiền, chẳng thà không tịnh-độ. Lại có bài kệ rằng: *hữu thiền vô tịnh-độ, thập nhơn cửu ta lộ, vô thiền hữu tịnh-độ, vạn tu vạn nhơn khứ*, nghĩa là: Có thiền không tịnh-độ, mười người chín vấp đường, không thiền có tịnh-độ, vạn tu vạn người đi. Chư Phật chư tổ đã đều nói vậy, chúng ta còn nghi nỗi gì.

Ở, khi Phật Thích-Ca tại thế, vẫn đã trước biết căng khí của chúng-sanh trí ít ngu nhiều, mà lý của tịnh-độ thì quá cao quá diệu, nếu không có huệ căng và không có nhơn duyên với tịnh-độ, thì không thể gì tin đặng tu đặng, nên trong kinh Di-Đà Phật Thích-Ca kêu ông Xá-lợi-Phất mà bảo rằng: *đương tri ngã ư ngũ trược ác thế, hành thử nan sự, đắc A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề, vị nhứt thế thế-gian, thuyết thử nan tín chi pháp, thị vi thậm nan*. Nghĩa là: chúng ngươi phải biết ta nơi đời ác ngũ trược, làm sự khó khăn, đặng bực vô-thượng-chánh-đẳng-chánh-giác, vì tất cả thế-gian, nói pháp tịnh-độ nầy, thật là khó tin, thật là rất khó.

Phật lại nói pháp tịnh-độ tuy dễ tu, mà lý tịnh-độ thì khó hiểu, chỉ Phật với Phật mới cứu hết lý ấy, kỳ dư bực Thinh-Văn, bực La-Hán, cho đến bực Thập-địa-bồ-tát, cũng không tỏ thấu tới chỗ cực điểm; vì vậy nên thế-gian lắm người muội lý khinh sự, thành thử khinh mà không tu. Trong kinh Di-Đà, Phật Thích-Ca ba phen cặn kẻ khuyên thiện-nam tín-nữ, phát nguyện cầu

sanh, mà thử xem ngày nay tín tâm niệm Phật ước đặng mấy người, than ôi!

Phật nói: *tam giới bất an, du như hỏa trạch, tây phương thánh cảnh, khoái lạc vô biên*. Nghĩa là: ba cõi chẳng an, ví như nhà lửa, tây phương thánh cảnh, vui sướng vô cùng. Phải chi ai ai cũng tin, cũng tu, thì nhà lửa nơi cõi Ta-Bà nầy đã thoát ly rồi, cảnh thánh nơi nước Cực-Lạc kia đã chơi nhải rồi, lầu vàng cát ngọc, mặc ý tiêu diêu, xứ cũ quê xưa, còn ai hiệp chẳ, đức Di-Đà là cha mẹ, đức Quan-Âm, đức Thế-Chí là bà con, chư thượng-thiện-nhơn là bạn hữu, thân bằng đông đủ, kiếp kiếp sum vầy, cơm áo sẵn sàng, đời đời thong thả, đâu còn thọ những điều phiền não ưu bi như ngày nay vậy ru.

Trên đó đã chỉ nhà rồi, nếu ai tín lực chưa đủ chưa giải quyết được, xin xem bài vấn đáp sau đây.

VẤN ĐÁP QUYẾT NGHI

HỎI.— Phật nói: tự tánh Di-Đà, duy tâm tịnh-độ. Thế thì Di-Đà tức là tánh của chúng-sanh, tịnh-độ tức là tâm của chúng-sanh, mà đã tâm tánh của chúng sanh, thì chúng-sanh còn niệm Di-Đà nào, cầu sanh tịnh-độ nào nữa?

ĐÁP.— Phật với chúng sanh đồng một tâm tánh, nhưng Phật đã tu đã chứng, đã tỉnh; chúng-sanh chưa tu chưa chứng, còn mê, cũng như nước cũng đồng nước, mà có thứ đã trở về biển trong trẻo, có thứ còn ở mương rãnh nhơ đục, nên tuy Di-Đà là tánh tịnh độ là tâm, mà bị cái nghiệp vô minh che đậy, tản loạn nhiễm ô, hôn mê thất lạc, vì vậy nên phải niệm phải cầu, niệm Di-Đà tức là niệm tự tánh, cầu tịnh-độ tức là cầu tự tâm, nếu tâm tánh hoàn nguyên, thì đến khi lâm chung, Di-Đà tiếp dẫn, tịnh-độ hiện tiền, cảnh ấy tợ như ở ngoài, nhưng thiệt ở tại tâm tánh.

HỎI.— Như vậy thì ngoài tâm-tánh của chúng-sanh không Phật không độ, mà sao trước kia lại nói Phật Di-Đà nguyện mở cõi tịnh-độ, tiếp dẫn chúng-sanh?

ĐÁP.— Luận về cảnh-giới tuyệt-đải, thì trong không tâm, ngoài không tướng, còn luận về cảnh-giới đối-đãi, thì trong có tâm ngoài có tướng, bởi chúng-sanh mê tâm mê tướng, trong ngoài còn đối đãi nhau, nên Phật Di-Đà phải tùy tâm hiện tướng, mà hóa độ chúng-sanh, chúng-sanh hết lòng niệm Phật cầu sanh thì tức là có cãm, mà có cãm thì tức là có ứng, cãm thuộc về tâm, ứng thuộc về tướng, tâm tướng cãm ứng, như bóng theo hình, như vang hòa tiếng, hình dâu bóng đó, tiếng đâu vang đó, một mà hai, hai mà một, lý ấy thâm diệu suy xét sẽ tưởng.

HỎI.— Niệm Phật vảng sanh, do đâu làm chứng nghiệm ?

ĐÁP.— Do tư tưởng làm chứng nghiệm, thế-gian tất cả mọi sự đều do tư tưởng tạo thành, tưỡng chánh thành chánh, tưởng tà thành tà, tưởng thiện thành thiện, tưởng ác thành ác ; như khi thức tưởng sự vui, thì khi ngủ cũng thấy sự vui, khi thức tưỡng sự buồn, thì khi ngủ cũng thấy sự buồn. Giã như hai người ngủ chung một giường, người tu niệm thì thấy cảnh tịnh-độ, người muốn làm giặc, thì thấy cảnh đao binh, tâm dâu cảnh đó, tánh đâu tướng đó, lý đâu sự đó, khi thức đã vậy, khi ngủ cũng như vậy, suy nghiệm thử coi.

HỎI.— Nam-mô tây-phương cực-lạc thế-giới A-Di-Đà Phật là ý nghĩa gì ?

ĐÁP. — Kính ngưỡng theo một vị đại-giác, Vô-lượng-quang, Vô-lượng-thọ nơi cõi Cực-lạc Tây-phương, ý nghĩa như vậy.

HỎI. — Khi niệm, Phật trong lòng thường khởi những điều tạp niệm vậy lấy phương pháp gì đối trị nó?

ĐÁP. — Trước khi chưa niệm, phải đem tất cả sự tình trong tâm phóng xã cho hết, tịnh tâm một hồi, rồi sẽ khởi niệm, đương khi niệm, tay lần chuỗi, buộc lòng nơi chuỗi, chuỗi tức là Phật hiệu như vậy thì tâm và miệng và tay và chuỗi hiệp nhau một đoàn, tạp niệm không chen vào được, lại phải chuyên tâm chú ý, sao cho niệm niệm rõ ràng chữ chữ minh bạch, mình tự niệm, mình tự nghe, đừng cho các tiếng ở ngoài lọt vào tai thì tạp niệm phải dứt.

HỎI. — Ăn mặn, niệm Phật được không?

ĐÁP. — Được, nhưng ăn chay thì tốt hơn, bằng chẳng vậy, cũng phải giới sát.

HỎI. — Niệm Phật mà không nguyện sanh tây-phương, được không?

ĐÁP. — Không! Phật nói: *Hữu niệm vô nguyện, kỳ niệm tất cô; hữu nguyện bô niệm, kỳ nguyện tất hư*. Nghĩa là: Có niệm không nguyện, thì niệm thành mồ côi; có nguyện không niệm thì nguyện thành chưng hửng; đủ cả niệm nguyện mới là hoàn-toàn.

HỎI.— Phật với các trời ai lớn ai nhỏ?

ĐÁP.— Phật là cực thánh, ở ngoài tam-giới, các trời là phàm-phu, ở trong tam giới, bên thánh bên phàm, không thể so sánh.

HỎI.— Quả như Phật lớn hơn trời, cớ sao thế-gian việc gì cũng nói nhờ trời; nên, cũng nói trời cho nên, hư, cũng nói trời làm hư, mỗi mỗi kêu trời, không thấy kêu Phật?

ĐÁP.— Đó có hai lẽ: 1° thế tục quen miệng, 2° Giai cấp tự nhiên; ví như triều đình chánh phủ tuy lớn, mà người thôn quê có gặp việc chi, cũng chạy tới làng thưa trước, nhờ làng phân xử, nên hư cũng nhờ làng, đến gặp sự cấp nạn, cũng chậu miệng la làng, cầu làng tới cứu, chừng nào làng xử làng cứu không được, mới đem đến chánh-phủ triều đình bẩm báo, vậy cũng gọi triều-đình chánh phủ nhỏ hơn làng xóm hay sao?

Chẳng qua sự thế-gian do nhỏ rồi mới đến lớn, do thấp rồi mới tới cao, do gần rồi mới tới xa, giai cấp tự nhiên như vậy, đâu phải lấy sự miệng người hay kêu hay gọi làm lớn.

HỎI.— Oai-thần từ-lực của Phật Di-Đà thế nào?

ĐÁP.— Vô-lượng vô-biên, không kể hết được, lược cử vài điều, Phật là ông Đạo-sư giáo-hóa trời và người, là ông mãnh-tướng hàng phục cả quân tà, là ông lực-sĩ phá địa ngục, là ông từ-phụ thương chúng-sanh, là ngọn đuốc soi cả đường

mê, là chiếc thuyền đưa qua biển khổ, phàm nhứt thiết sự phiền não trong thế-gian, Phật đều cứu độ đặng cả.

HỎI.— Phật từ-bi thương cứu chúng-sanh, mà chỉ tiếp độ những người tu niệm, còn người không tu niệm thì không tiếp độ là sao ?

ĐÁP.— Chúng-sanh bị nghiệp-chướng ngăn đón, cách Phật lắm xa, nếu không niệm thì không cảm, không cảm thì không ứng, cũng như mẹ tuy tìm con, mà con lại trốn mẹ, thì mẹ con không thể gặp nhau được.

HỎI.— Miệng niệm Phật mà lòng không chuyên chủ, vậy cũng được vảng-sanh tây-phương hay không ?

ĐÁP.— Niệm Phật là gốc nơi tâm, nếu tâm không chuyên, thì không thành pháp niệm, làm sao vảng-sanh được.

HỎI.— Tám vạn bốn ngàn pháp-môn, còn có pháp-môn nào dễ tu dễ thành Phật hơn pháp-môn tịnh-độ nữa không ?

ĐÁP.— Không ! trong kinh Phật nói : *Dư môn học đạo, như nghỉ tử đăng ư cao sơn, niệm Phật vãng-sanh, tợ phong phàm du ư thuận thủy.* Nghĩa là : tu theo các pháp, khó như con kiến bò lên núi cao, niệm Phật vãng-sanh, dễ tợ thuyền bườm xuôi theo nước thuận, lại nói : *Chỉ hữu cảnh lộ tu hành, đãng niệm A-Di-Đà Phật.* Nghĩa là :

có một đường tắt tu-hành, chỉ niệm A-Di-Đà Phật, lại nói : *Sanh tử hải trung, niệm Phật đệ nhứt.* Nghĩa là : ra khỏi biển sanh tử, pháp niệm Phật thứ nhứt. Xét đó thì biết không có một pháp nào hơn nữa.

HỎI.— Chỉ giữ niệm Phật tu hành, đừng qui-y Tam-bảo được không ?

ĐÁP.— Muốn cất nhà trước phải đổ nền, nhà mới có chỗ đứng, muốn tu niệm trước phải qui-y Tam-bảo, niệm mới có chỗ nương, nếu không qui-y, thì ai chứng minh cho mà tu niệm.

HỎI.— Qui-y phải lựa thầy, hay đừng lựa ?

ĐÁP.— Phải lựa.

HỎI.— Như rủi gặp ông thầy không tỏ đạo thì sao?

ĐÁP.— Trong luật Phật dạy phải tìm thầy khác, nhưng không đoạn hủy báng ông thầy trước.

HỎI.— Tìm thầy khác có bị tội phản sư không?

ĐÁP.— Không! phản sư nghĩa là ông thầy Bổn-sư vẫn tỏ đạo, mà sanh lòng bội nghịch, không tùy thuận theo thầy, như vậy gọi là phản sư, chí như ông Bổn-sư không tỏ đạo, mà không tìm thầy khác học hỏi, thì biết đường đâu mà tu, thành ra hại mình, và trái phép Phật.

HỎI.— Học thông ba tạng, xét tỏ lý máu, mà không tu không niệm thì sao ?

ĐÁP. — Có học mới tỏ tánh, có tu mới thành đạo học mà không tu, cũng như thấy cơm mà không ăn thấy nước mà không uống, thì có ích gì.

HỎI.— Không học không nghiên cứu, chỉ tu một phép niệm Phật cầu sanh, thì được thành đạo không?

ĐÁP.-- Được, Tổ xưa nói: đạo lý hiểu hay là không hiểu, trì giới toàn hay là không toàn, hai sự ấy bất tất hỏi tới, chỉ chăm giữ một lòng niệm Phật, thì chắc đặng vãng-sanh, vãng-sanh thì chắc đặng thành Phật, chớ nên nghi tâm.

HỎI.— Trong kinh Phật nói: « *lạc vi khổ bổn* ». Vui là cái gốc khổ, mà cớ gì Phật lại mở cõi Cực-lạc, là chỗ rất vui, bảo chúng sanh nguyện sanh về đó?

ĐÁP.— Vui có hai thứ: 1° vui sự thế-gian, 2° vui tánh thanh tịnh; vui tánh thanh-tịnh là gốc thành đạo, vui sự thế-gian là gốc phiền-não, giáo lý rõ ràng, xét qua thì biết.

HỎI.— Chúng ta học đạo từ-bi, lẽ gì nguyện ở cõi nầy, tiếp độ chúng-sanh là phải, nở nào nguyện sanh về Cực-lạc, tính bề vui sướng một mình, là sao?

ĐÁP.— Chúng ta phàm ngu, ở cõi nầy tu hành không thể thành đạo, không thành đạo thì tự cứu không rồi, tiếp độ ai được, chi bằng sanh về tây-phương, mau được thành đạo, sau khi thành đạo rồi, phân thân ra các thế-giới, tiếp độ vô lượng chúng-sanh, như các Phật vậy. Xe mình đương

chết máy, phải mau mau tìm thợ sửa lại, khoán khoan mong chở bộ hành.

HỎI. — Kinh nói người niệm Phật, có Phật trụ tại đảnh, khi lâm chung Phật đến tiếp dẫn. Giả như chúng-sanh trong các thế-giới đều niệm Phật, hay là đồng thời vãng-sanh, thì Phật làm sao nhứt nhứt trụ tại đảnh, và nhứt nhứt tiếp dẫn cho hết ?

ĐÁP. — Trên trời chỉ một mặt trăng, mà khắp hiện cả muôn sông ngàn biển chỗ nào có nước thì có trăng, người nào có niệm thì có Phật, lo gì Phật trụ không châu, Phật tiếp không hết.

HỎI. — Niệm Phật tu hành, chỉ trọng một niệm tại khi lâm-chung, khi lâm-chung nếu giữ đặng một niệm chánh-niệm thì sanh về Tây-phương, nếu giữ không đặng, thì phải bị luân-hồi bảy thứ, quả như vậy, thì chúng ta cũng nên đợi khi lâm-chung sẽ giữ một niệm chánh-niệm, nguyện sanh Tây-phương, hà tất phải tu cả đời làm chi cho nhọc ?

ĐÁP. — Niệm Phật cầu sanh, chắc sanh Tịnh-độ, cả đời tu niệm, là tập tánh cho quen, dầu khi lâm-chung, rủi mất chánh-niệm, bị đọa thế nào, chẳng qua thọ khổ trong một kiếp, hay là đôi ba kiếp, rồi cũng có ngày trực nhớ lại cái bổn nguyện khi trước, bổn nguyện đã nhớ, thì chánh-niệm hiện tiền, chánh-niệm đã hiện, thì quyết định vãng-sanh, đâu phải bị đọa luôn như người cả đời không tu niệm kia, đến như đợi khi lâm-chung sẽ giữ chánh-niệm,

cầu sanh Tây-phương Tịnh-độ, sự ấy là sự cầu may, muôn phần e không chắc một.

HỎI.— Như có người nói cõi Tịnh-độ chắc không có, bởi cõi ấy họ không ngó thấy, nên họ không tin là có, thì sao?

ĐÁP.— Ở trong cõi Ta-bà nầy hiếm chi vật không ngó thấy, huống hồ vật ở cõi khác, không có huệ-nhản, làm sao thấy được, song tuy không thấy, mà xét lý thì biết sự, xét tánh thì biết tướng, đợi gì ngó thấy mới tin là có. Như chấp rằng: vật gì có ngó thấy mới tin là có, thì dân ruộng khi nào thấy cung điện nhà vua, đứa mù khi nào thấy mặt trời mặt trăng, con ếch ngồi đái giếng, khi nào thấy ngôi sao nam-cực, bắc-cực, con trùng ở hầm tiêu, khi nào thấy món ăn của nhà phú quí; thế thì vật thiệt có, tại nó không thấy, nhưng nó không thấy mặc nó, chớ các vật tốt đẹp kia, cũng tự nhiên có hoài, đâu phải gì cái không thấy của nó, mà thành cái không có bao giờ.

HỎI.— Có người nói tu Tịnh-độ, sau khi chết rồi, thần hồn phải tới Địa-phủ, yết kiến mười vua Thập-Điện, rồi mười vua Thập-điện mới đưa về Tây-phương phải không?

ĐÁP.— Khi lâm chung đã có Phật tiếp-dẫn, còn tới Thập-điện làm chi, Thập-điện có quyền gì đưa rước người vảng-sanh được.

HỎI.— Lại có người nói: tu tịnh-độ, cũng phải đợi Phật Di-Lặc ra đời thọ-ký cho, rồi mới được về cõi Cực-lạc phải không?

ĐÁP.— Trong kinh Di-Đà nói : *Nhược hửu thiện nam tử, thiện nữ nhơn, văn thuyết A-Di-Đà-Phật, chấp trì danh hiệu, nhược nhứt nhựt, nhược nhị nhựt, nhược tam nhựt, nhược tứ nhựt, nhược ngũ nhựt, nhược lục nhựt, nhược thất nhựt, nhứt tâm bất loạn, kỳ nhơn lâm mạng chung thời, A-Di-Đà-Phật, dử chư thánh-chúng, hiện tại kỳ tiền, thị nhơn chung thời, tâm bất điên đảo, tức đắc vảng-sanh A-Di-Đà-Phật cực lạc quốc độ.* Nghỉa là : Nếu có thiện-nam thiện-nữ nào, nghe nói A-Di-Đà-Phật, giữ theo danh hiệu mà niệm, một ngày đến bãy ngày, tâm chẳng loạn động, thì người ấy đến khi lâm-chung, Phật và các thánh, hiện ở trước mặt, người ấy lâm chung, tâm chẳng điên đảo, liền đặng vảng sanh về cõi Cực-lạc của Phật-A-Di-Đà. Kinh nói rõ ràng như vậy, đợi gì Phật Di-Lạc ra đời thọ-ký mới đặng vảng-sanh.

HỎI.— Kinh đã dạy niệm Phật trong bảy ngày, thì đặng vãng sanh, mà cớ gì chúng ta lại niệm mãi cả đời làm chi ?

ĐÁP.— Nói tuy dề, mà làm thật rất khó, khó tại bốn chữ : *nhứt tâm bất loạn*, tâm của chúng ta trong một thời giờ ngắn ngủi, còn loạn động mãi, huống chi bảy ngày, định làm sao được, nên hằng ngày phải niệm, niệm thẳng cho đến khi chết mới chắc vãng-sanh.

HỎI.— Sau khi vãng-sanh, còn có khi nào bị đọa lạc nữa không ?

ĐÁP.— Kinh Di-Đà nói : *Cực lạc quốc độ, chúng sanh sanh giả, dai thị A-bệ-bạc-tri.* Nghĩa là : Cõi nước Cực-lạc, chúng-sanh sanh về đó đều đặng chẳng trở lui, chẳng trở lui tức là không đọa-lạc nữa.

HỎI.— Niệm Phật vẫn có ích lợi về khi chết, mà khi sống cũng có ích lợi hay không ?

ĐÁP.— Có, có tiêu tai, có được phước.

HỎI.— Hiện thấy có người đời nay trước khi chưa niệm Phật, thì bình-an vô sự, đến sau khi niệm Phật, thì hoặc đương giàu trở nghèo, hoặc gặp tai nạn luôn luôn, là sao ?

ĐÁP.— Đó là cái túc-nhơn của người ấy tạo tại kiếp trước, đến ngày nay mới gặp, từng thời kiết quả của nó, nên phải thọ báo, nhưng nhờ có niệm Phật, hoặc đổi đại bần làm tiểu bần, hoặc biến đại nạn làm tiểu nạn, mà chúng ta không biết, chớ dầu có lý niệm Phật mà chịu khổ bao giờ.

HỎI.— Hằng ngày chỉ tụng kinh không niệm Phật thì sao ?

ĐÁP.— Tụng kinh chỉ hưởng được phước, phước hết hoàn khổ, niệm Phật chắc đặng vãng-sanh, sanh chắc thành Phật.

HỎI.— Cũng niệm Phật cũng tụng kinh thì sao ?

ĐÁP.— Tốt lắm, nhờ oai thần của kinh trợ lực, vãng-sanh chắc cao.

HỎI.— Niệm Phật mà sát sanh, có hại gì không ?

ĐÁP.— Hại lắm, Phật lấy từ-bi làm chủ-nghĩa, mà sát-sanh thì trái lẽ từ-bi, nên giới ấy quyết không được phạm.

HỎI.— Ngày nay thấy có tờ báo-chí nói: không có Tịnh-độ, không Thiên-đường, không có Địa-ngục, không có nhơn-quả luân-hồi, nhứt thiệt không có chi hết, lời ấy xuất kinh-điển nào?

ĐÁP.— Đó là ma-thuyết, không xuất kinh điển nào cả, các kinh giáo của Phật đều nói Thiên-Đường Địa-ngục, nhơn-quả, luân-hồi, nhứt thiết có hết; lịch-đại Tổ-sư cũng nói như vậy, xưa nay ai cũng tín-phụng, chỉ có Thiên-ma tật đố, đặt đều cải bậy, ai có trí xét qua thì biết.

HỎI.— Thiên-ma là thứ gì, có hình trạng gì không, Phật pháp tại sao mà nó tật đố?

ĐÁP.— Thiên-ma tức là ma Ba-tuần, ma thuộc về tà, Phật thuộc về chánh, Phật pháp ra đời, ma ở không an, vì thế nên nó tật đố: Kinh Lăng-Nghiêm Phật nói: «Sau Phật nhập diệt hai ngàn năm, nhằm đời mạt-pháp, ma Ba-tuần đầu thai xuất thế, lộn vào cửa Phật, giả làm tăng ni, hay là Cư-sĩ, hoặc diễn-thuyết, hoặc viết sách, hoặc diễn kinh luận, sai lạc nghĩa-lý, tự xưng là Phật pháp cải-lương, bát cả thảy nhơn quả tội phước, cho mấy sự ấy là hoang-đàng; nó lại nói kinh giáo của Phật là sách đời xưa, đạo-lý sai lạc, không hiệp thời nghi, nó chỉ xem cái lý-tưởng «không-không» truyền bá khắp xứ, làm cho chúng mê-lưu ngả lòng, nghe

cảng tu bậy, không tin nhơn-quả, không sợ tội phước, đó là cái mưu của nó phá hoại Phật pháp nó mong chiêu dụ chúng-sanh trở làm quyến thuộc nhà nó, nên nó phản dối Phật giáo như vậy, đền như thiệt đệ-tử của Phật, không bao giờ cải Phật nửa lời.

HỎI.— Nay đả tới thời-kỳ mạt-pháp chưa ?

ĐÁP.— Đã tới, đã gần một ngàn năm rồi, ngày nay chính là nó đương xuất hiện đông lắm, đạo-lưu phải xét cho kỹ kẽo lầm.

HỎI.— Các Trời có tu tịnh-độ, có cầu nguyện vãng sanh không ?

ĐÁP.— Mười phương vô số các vị đại Bồ-tát còn cầu sanh tịnh-độ, huống chi các trời.

HỎI.-- Niệm Phật một tiếng, được phước nhiều ít ?

ĐÁP.— Giả như có người giàu địch vạn-quấc, mà vui lòng đem hết tất cã tiền của châu báu bố thí chúng sanh, không còn để lại một vật, như phước của người ấy vẫn đã thiệt nhiều ; nhưng so với người niệm Phật một tiếng, thì phước của người bố-thí, chưa kịp phước của người niệm Phật, trong một phần muôn.

HỎI.— Đương khi còn sống niệm Phật, tinh-thần có qua được cõi tịnh-độ không ?

ĐÁP.— Có.

HỎI.— Sao biết được ?

ĐÁP. — Ai làm nấy biết, cũng như ai ăn nấy no; nhưng đại ý như trong khi ngủ chiêm-bao, hoặc thầy Phật, hoặc thấy hoa Sen, hoặc thấy các cảnh tốt đẹp, như họa-đồ trong kinh Thập-lục-quán đó; tinh thần của người niệm Phật qua chơi Tây-phương, nên mới được thầy như vậy.

HỎI. — Người niệm Phật gặp khi làm phước bố-thí nên niệm câu gì?

ĐÁP. — Niệm câu: *nguyện dĩ thử bố thí công-đức hồi-hướng vãng-sanh Tây-phương*.

HỎI. — Khi tụng kinh rồi, nên niệm câu gì?

ĐÁP. — Niệm câu: *nguyện dĩ thử tụng kinh công-đức, hồi-hướng vãng-sanh Tây-phương*.

HỎI. — Chúng ta tội dày phước mỏng, khi lâm-chung e có trở ngại chăng?

ĐÁP — Khi ấy đã có Phật tiếp dẫn, dầu tội lớn bằng trời, cũng không thể gì trở ngại, nhưng cần phải bỏ hết tất cả, đừng để ý tới một sự một vật chi cả, phước cũng đừng nhớ, tội cũng đừng nghi, chỉ giữ một lòng nguyện theo Phật về cõi Cực-lạc, là xong.

HỎI. — Khi lâm-chung cần phải có người hộ niệm hay là không?

ĐÁP. — Phải cần, vì sợ người ấy mê tâm, quên mất chánh niệm, nên phải nhờ người ngoài lớn tiếng niệm Phật, nhắc nhở người ấy nhớ lại, khỏi mất chánh niệm.

HỎI. — Thấy khi lâm-chung, có người chết được an-ổn, có người chết không được an-ổn; chết không an-ổn, e không được vãng-sanh chăng?

ĐÁP. — Chết không được an-ổn, là tại nghiệp-chướng của người ấy nặng-nề, nên lúc mạng chung bị hành xác thịt thống khổ như vậy, nhưng khổ thì mặc khổ, mà giữ được chánh-niệm, thì làm sao mất phần vãng-sanh.

HỎI. — Tu niệm chưa đặng bao lâu, mà cái chết đã tới, thì có được vãng-sanh không?

ĐÁP. — Nhứt tâm niệm Phật, phát nguyện, thì dầu mới tu trong một ngày cũng vãng-sanh, hà huống nhiều ngày nhiều tháng nhiều năm.

HỎI. — Người ở cõi nầy niệm Phật, bên cõi tịnh-độ đã có cái gì làm tiêu biểu chưa?

ĐÁP. — Có, một người nào phát nguyện niệm Phật, thì ao thất bảo bên Tịnh-độ đã nứt một ngành hoa sen, trong hoa sen đủ có tên họ người ấy, nếu người ấy niệm Phật mỗi ngày mỗi tấn, thì hoa sen mỗi ngày mỗi tươi; còn người ấy niệm Phật mỗi ngày mỗi lui, thì hoa sen mỗi ngày mỗi héo: Các truyện vãng sanh đều nói; xưa trước đã có nhiều người, nhứt tâm niệm Phật, đương khi tại định, thần hồn qua thẳng Tây-phương, thấy đủ các cảnh, đến khi xuất nói lại, đều in như vậy, nếu ai không tin, định tâm niệm Phật, lâu lâu thì cũng qua đến, cũng thấy, cũng biết.

HỎI. — Hằng ngày niệm Phật, niệm buổi nào tốt hơn ?

ĐÁP. — Lúc ba bốn giờ sáng, trong tâm ngoài cảnh còn đương thanh-tịnh, niệm tốt hơn.

HỎI. — Ngũ-tân là năm món gì, tại sao mà Phật cấm ?

ĐÁP. — 1º hành, 2º tỏi, 3º hẹ, 4º nén, 5º hưng-cừ : Quốc-độ ta chỉ có bốn món trên, không có hưng-cừ, nhưng củ-kiệu ở xứ ta cũng tương tợ như nó ; năm món ấy ăn sống thì hay sanh giận, ăn chín thì hay sanh dâm ; vã lại các thứ ngạ-quỉ ưa người mùi nó, người tu niệm ăn nó, thì quỉ thường theo liếm miệng liếng môi, tụng kinh niệm Phật tri-chú không có linh-ứng, thậm chí tiêu diệt hột giống Phật, tại vậy nên Phật cấm không cho ăn.

HỎI. — Có người nói cảnh Tịnh-độ là cảnh giả có ngày tiêu-diệt, nguyện sanh về đó làm chi, tu hành chỉ giữ một cái « không không » là chánh đáng, mê theo sự tướng làm gì, họ nói lẽ ấy phải không ?

ĐÁP. — Đó là người thất học, không hiểu được lý tánh-cụ, nghe nói « không không » bắt chước nói không không ; không biết Như-lai có ba tạng : 1º tạng-không, 2º tạng-bất-không, 3º tạng-không-bất-không ; cảnh Tịnh-độ đủ cả ba tạng Như-lai, do nguyện-lực của đức Di-Đà hóa thành, rất diệu rất huyền, làm sao tiêu diệt, tu học như vậy, kiết cuộc thành ma, rừng kim non đao, nhắm mắt sẽ thấy.

HỎI. — Có người nói chúng-sanh kêu tên Phật là khinh Phật cũng như người khác kêu tên mình là khinh mình, Phật có nợ gì mà kêu giói mãi như vậy, lẽ ấy thì sao?

ĐÁP. — Danh hiệu của Phật, không phải như danh hiệu của người thế-gian, danh hiệu Phật tức là tánh đức của Phật, mà cũng là tánh-đức của chúng-sanh, vì chúng-sanh với Phật đồng một thể-tánh, song Phật tại ngộ, tánh-đức sáng-suốt; chúng-sanh tại mê, tánh-đức mù mờ, bởi mù mờ nên phải cầu cái tánh-đức sáng-suốt của Phật đối trị, mượn tánh Phật sửa tánh mình, cũng như đạp gai lấy gai mà lể, lậm nước lấy nước mà rửa; lại như nhơn đất mà té, rồi cũng nhơn đất mà đứng dậy, vì thế nên cần phải niệm Phật, lý niệm Phật thâm diệu như vậy, phàm ngu làm sao hiểu thấu. Đến như lấy sự thế-gian thí dụ, người đời gặp khi hoạn-nạn thống-khổ, hoảng hốt cầu cứu, thì kêu trời kêu đất, kêu cha kêu mẹ, la làng la xóm inh ỏi đêm ngày, vậy cũng gọi khinh trời, đất, cha mẹ làng xóm hay sao; cũng gọi trời đất cha mẹ làng xóm mắc nợ, nên kêu giói hay sao; lủ dốt nói xằng, đừng nghe nhớp tai.

HỎI. — Tu tịnh-độ cần phải giữ một giới sát-sanh cho tròn. Giả như làm đích-tôn ăn hương-hỏa ở từ-đường, gặp khi cúng kỵ, nếu không sát heo gà, tôm cá các thứ sanh-mạng, thì cha mẹ tộc họ la rầy, còn sát thì phạm giới, vậy xử làm sao?

ĐÁP.— Đó tại người khác bức sử, chủ quyền không phải tại mình ; tay mình không cầm dao sát nó, miệng mình không bảo người khác sát nó, ý mình không ưa theo sự sát nó, giữ tròn ba nghiệp ấy, thì khỏi phạm giới ; song các sanh mạng lâm khi thọ sát, mình cũng phải sanh lòng từ-bi thương xót, niệm Phật niệm chú, cầu cho nó siêu sanh tịnh-độ, vậy mới đúng tư-cách người tu.

HỎI.— Mỗi tháng gặp ngày ba mươi, mồng một, mười bốn, rằm chỉ giữ niệm Phật, không lạy sám, được không ?

ĐÁP.— Lạy thêm tốt, không lạy cũng được, chúng-sanh tạo ác, do tại ba nghiệp : 1° nghiệp miệng, 2° nghiệp thân, 3° nghiệp ý. Mà chúng ta hằng ngày miệng niệm Phật, tức là sám-hối cái nghiệp ác của miệng, thân lạy Phật tức là sám-hối nghiệp ác của thân, ý tưởng Phật tức là sám-hối nghiệp ác của ý. Một pháp niệm Phật, mà sám đủ ba nghiệp, đều đặng thanh-tịnh, nên Phật nói tu môn tịnh-độ công-phu tuy ít, mà bao hàm tất cả sự lý rất nhiều.

HỎI.— Pháp-môn Tịnh-độ niệm Phật mười tiếng, giả như khi nào lỡ thiếu một tiếng, hoặc dư một tiếng, được không ?

ĐÁP.— Bổn nguyện của Phật không nên sơ sứt, miệng niệm lòng phải ký số cho rỏ, nếu khi nào nhớ không được rỏ, phải niệm lại, không nên bỏ qua.

HỎI.— Sau khi niệm Di-Đà, Quan-Âm, Thế-Chí rồi, đến câu thứ tư có kẻ niệm : *Nam-mô Thanh-Tịnh Đại-Hải Chúng-Bồ-Tát*, có kẻ niệm : *Nam-mô Nhứt-Thế Bồ-Tát Thinh-Văn Chư-Thượng Thiện-Nhơn*, hai cách khác nhau là sao ?

ĐÁP.— Chữ khác lý đồng, niệm câu nào cũng được, câu : *Nhứt-Thế Bồ-Tát Thinh-Văn Chư-Thượng Thiện-Nhơn* xuất trong kinh Di-Đà, Chư-Tổ tu Tịnh-độ cũng có niệm như vậy.

HỎI.— Bài chú vãng-sanh có kẻ tụng : *Nam-mô a di đa bà dạ, đa tha dà đa dạ, đa địa dạ tha*, vân vân. Có kẻ tụng : *Nam-mô a di đa bà dạ chiết, tha dà đá, dạ chuyết trại vân vân* cũng có hai cách khác nhau là sao ?

ĐÁP.— Bài chú ấy gốc sai tại bên Tàu đã lâu, đến đời nhà Tống hiệu Nguyên-gia, có ngài Tây-tăng tên là Cầu-Na Bạc-Đà ở Thiên-trúc qua Tàu, khảo chánh lại, ngài Tánh-trừng có ấn vào quyển Di-Đà cú-giải rỏ ràng ; song vì thầy truyền trò học, nhiễm đã lâu đời, thành thử sửa lại không được, nước ta gốc học thầy Tàu, nên cũng sai lạc như vậy ; trì chú mà sai câu sai chữ, thì mất lực oai thần, chúng ta muốn quyết định vảng-sanh, thì không nên tụng theo bài cũ, nếu ai không tin, xin tới Hội Phật-học Từ-bi-Âm ở Saigon, hay Hội Phật-học Duy-tân ở Trà-vinh, Hội Phật-học Viên-Âm ở Huế ; ba hội ấy đều có kinh Đại-tạng, kiểm-duyệt trong quyển Đại-bổn Di-Đà thì thấy.

HỎI.— Khi gặp công việc ra ngoài, hoặc một ngày, hoặc đôi ba ngày, không có bàn Phật, thì niệm làm sao ?

ĐÁP.— Hoặc đi giữa đường, hoặc ngồi trên xe, hoặc tới nhà khác, bất kỳ buổi nào, nhắm mắt tịnh tâm, mặc niệm một hồi cũng được ; đâu đâu cũng có Phật, tuy là nghi thức không đủ, nhưng phải giữ lòng cung kính không nên sứt lược.

HỎI.— Khi đau không đứng, không ngồi được thì niệm làm sao ?

ĐÁP.— Nằm nghiên bên phía tay mặt, là phía thuận đạo mặc niệm, niệm rồi phát nguyện ; đau chừng nào niệm chừng nấy, bịnh càng khẩn niệm càng thiết, đề phòng sự chết, không nên bỏ qua.

HỎI.— Niệm Phật tuy đồng, song có người chuyên cần, có người biếng-nhác, có người đủ sức tin, có người nửa tin nửa nghi ; vậy đến khi vãng-sanh, thứ lớp cao thấp, có phân biệt hay không phân biệt ?

ĐÁP.— Có phân biệt, có chín phẩm khác nhau, chín phẩm ấy là : 1° thượng thượng phẩm, 2° thượng trung phẩm, 3° thượng hạ phẩm, 4° trung thượng phẩm, 5° trung trung phẩm, 6° trung hạ phẩm, 7° hạ thượng phẩm, 8° hạ trung phẩm, 9° hạ hạ phẩm. Chín phẩm ấy ai tu niệm chuyên cần bực nhứt, thì chiếm được ba phẩm trên, ai chuyên cần bực nhì, thì chiếm được ba phẩm trung, ai biếng nhác chỉ chiếm ba phẩm

hạ, còn ai niệm Phật mà không đủ sức tin, thì cũng được vãng-sanh : nhưng phải bị đày về cõi nghi thành, tuy sung sướng nhưng không kiếp nào thấy Phật, cũng không kiếp nào thành Phật.

HỎI.-- Chiếm được thượng phẩm, Phật tiếp dẫn làm sao ? trung hạ phẩm Phật tiếp dẫn làm sao ? Về đến Tây-phương thành Phật ai mau ai chậm ?

ĐÁP.-- Người chiếm thượng phẩm, đến khi lâm chung, Phật phóng hào quang, đức Quan-Âm, đức Thế-chí bưng tọa Sen vàng đều tới tại trước mặt người ấy, mời người ấy ngồi, rước về Tịnh-độ, về tới rồi bông sen nở liền tức thì thấy Phật, nghe pháp, tức thì chứng ngộ-thành Phật liền ; Chiếm trung-phẩm, Phật tiếp dẫn cũng như trên, nhưng về đến Tây-phương, chưa được thấy Phật, còn ở trong lòng hoa sen, hoặc một kiếp, hoặc hai kiếp, chờ khi hoa sen nở ra, mới đặng thấy Phật, nghe pháp, lâu lâu mới đặng thành Phật ; Chí như hạ-phẩm, thì khi mạng chung, Phật không tới, chỉ đức Quan-Âm, đức Thế-Chí bưng đài hoa sen bạc, tới tiếp người ấy, người ấy về tới Tây-Phương, ở trong hoa sen đến mười hai mười ba cái đại-kiếp, hoa sen mới nở mới thấy Phật nghe pháp, trải qua kiếp số lâu dài, mới được thành đạo.

HỎI. — Trong lòng hoa sen, cảnh giới thế nào ?

ĐÁP. — Hoa sen là chỗ đầu thai của người vãng-sanh, người vãng-sanh lấy hoa sen làm cha mẹ,

đương khi hoa sen chưa nở, người ấy còn ở trong thai, tuy chưa thấy Phật, mà cảnh giới trong ấy, cũng rộng lớn tốt đẹp vô cùng, sung sướng vui vẻ vô cùng, không phải như người thế-gian đầu thai vào chỗ khí huyết nhơ nhớp vậy đâu.

HỎI. — Hoa có nhiều thứ, cớ gì Phật chỉ dùng một thứ hoa sen?

ĐÁP. — Hoa sen có nhiều cách đáng quí trọng: 1° ở bùng mà không lấm bùng, 2° cộng của nó ngoài thẳng mà trong bộng, 3° ong bướm không giám trêu ghẹo, 4° không mấy thuở chịu lên trên đầu của hàng phụ nữ, 5° hương cực thanh, sắc cực đẹp, nhưng không phải dâm hương dâm sắc, 6° nở hoa kết trái đồng một lược, không phải như các thứ hoa kia, hoa trước trái sau; vì phẩm giá của nó có phần đặc-biệt như vậy, nên chư Phật thường yêu dùng.

HỎI. — Người tu niệm đến khi chết, được vãng-sanh, hay mất vãng-sanh, hoặc sanh vào chỗ nào, có phép gì xét biết được không?

ĐÁP. — Trong bộ Di-thức có bài kệ nói: *Đảnh thánh, nhãn sanh thiên, nhơn tâm, ngạ quỉ phúc, bàng sanh tất cái ly, địa ngục cước bản xuất.* Nghĩa là nói: Người lâm-chung đến khi đã tắt hơi rồi, toàn thân đã lạnh hết rồi, mà trên đầu còn nóng một chỗ tại giữa đảnh, thì người ấy chắc vãng-sanh Tịnh-độ; còn nóng tại con mắt, thì sanh cõi trời, nóng tại ngực, thì sanh cõi người, nóng tại bụng,

thì sanh cõi ngạ quỉ, nóng tại đầu gối, thì sanh về súc-sanh, nóng tại bàn chơn, thì sanh về Địa-ngục; muốn biết sanh đâu xét vậy thì biết.

HỎI.— Thập niệm Pháp-môn xuất tại kinh nào, tại sao mà chỉ niệm mười tiếng?

ĐÁP.— Xuất kinh Tứ-thập-bát nguyện của đức Di-Đà, trong kinh ấy đủ bốn mươi tám lời nguyện, bây giờ không kể hết, chỉ kể hai nguyện như dưới đây:

1° Phật nguyện rằng: *thiết ngả đắt Phật thời, thập phương chúng sanh, dục sanh ngã quốc, hoặc bá thinh thiên thinh vạn thinh, niệm ngã danh hiệu, nhược bất sanh giã, bất thủ chánh giác.* Nghĩa là: Giả sử như khi ta làm Phật, mười phương chúng sanh, muốn sanh nước ta, niệm danh hiệu ta, hoặc trăm tiếng, ngàn tiếng, muôn tiếng mà không sanh được, thì ta thề chẳng lấy bực chánh-giác.

2° Phật nguyện rằng: *thiết ngã đắt Phật thời, thập phương chúng-sanh dục sanh ngã quốc, thập thinh niệm ngã danh hiệu, nhược bất sanh giã, bất thủ chánh giác.* Nghĩa là: Giả sử khi ta làm Phật, mười phương chúng-sanh, muốn sanh nước ta, mười tiếng niệm danh hiệu ta, mà chẳng sanh được, thì ta thề chẳng lấy bực chánh-giác.

Vì bổn nguyện của Phật Di-Đà như vậy, nên tu Tịnh-độ niệm số muôn số ngàn cũng được, niệm số mười tiếng cũng được, số nào cũng nguyện của Phật, không phải có hơn có thua; song phép niệm số nhiều e ít người niệm thấu, dầu niệm thấu cũng

không được bền, huống chi niệm nhiều thì hay sanh lòng hôn-loạn giải-đãi, chi bằng phép thập-niệm giản tiện dễ dàng, ai ai cũng giữ được thường, và cũng không đến nỗi hôn-loạn giải-đãi ; pháp ấy thiệt là pháp phổ-thông thứ nhứt, chư Tổ xưa và các vị Tiên-đức cũng thường thường hướng tây niệm mười tiếng, huống chi chúng ta, xin đừng báo kỷ.

HỎI.-- Niệm Phật phải day mặt phương tây là sao ?

ĐÁP.-- Trong kinh Thập-lục-quán Phật dạy người tu Tịnh-độ, hằng ngày niệm Phật, trước phải ngó mặt phương tây, quán mặt trời lặng, sau sẽ khởi niệm đó là phương-tiện của Phật buộc lòng người tu, khiến định tâm chuyên chú vào một chỗ, đừng cho tản loạn, chớ không phải Phật nói cái chơn-lý vũ-trụ, thiệt có đông tây nam bắc đâu, đừng nghi mà lầm.

HỎI.-- Nghi thức niệm Phật có nhiều chỗ khác nhau là sao ?

ĐÁP.— Tu Tịnh-độ cần yếu tại niệm Phật Di-Đà phát nguyện cầu sanh Tây-phương Tịnh-độ là đủ, bởi niệm Phật thuộc về chánh, còn niệm đức Quan-Âm, đức Thế-Chí tụng kinh trì chú, là thuộc về trợ, tùy ý tăng giảm, chớ không khác chi.

Trên đó đã lược giải mấy điều nghi hoặc rồi, sau đây tiếp trần Pháp-nghi niệm Phật.

PHẤP NGHI NIỆM PHẬT

Pháp nghi có phân hai lớp :

Hoàn-cảnh có kẻ rảnh người bận, căng khí có kẻ lanh người chậm, vì muôn hiệp cảnh hiệp cáng nên phải phân lớp.

LỚP THỨ NHỨT

Khi tới thời niệm Phật, trước phải súc miệng niệm chú rằng:

Án hám, án hản tá ha. (3 lần)

Rửa tay niệm chú rằng :

Án chủ ca ra da tá ha. (3 lần)

Rửa mặt niệm chú rằng :

Án lãm tá ha. (3 lần)

Niệm rồi, mặc áo chỉnh đốn, tới trước bàn Phật, cung kính dâng hương niệm rằng :

Giới hương, định hương, dữ huệ hương,
Giải thoát, giải thoát tri kiến hương,
Quang-minh vân đài biến pháp giới,
Cúng dường thập phương tam bảo tiền.

(1 lần) tiếp niệm :

Nam-mô hương cúng dường bồ-tát. (3 lần)

Đảnh lễ ba lạy ; rồi thì niệm bài nguyện chuông:

Nguyện thử chung thinh siêu pháp giới, thiết di u-ám tất giai văn.

Văn trần thanh tịnh chứng viên thông, nhứt thiết chúng-sanh thành chính giác.

Văn chung thinh phiền não khinh, trí huệ trưởng Bồ-Đề sanh.

Ly địa ngục xuất hỏa khanh, nguyện thành Phật độ chúng sanh.

Án già ra đế gia ta bà ha.

(Đọc 3 lần câu chót, đánh ba tiếng chuông). Xong rồi hoặc đứng, hoặc qui, hoặc ngồi kiết-già, nhắm mắt chắp tay, tịnh tâm một hồi, rồi sẽ khởi niệm:

Niệm bài tán Phật rằng:

A-Di-Đà Phật thân kim sắc,
Tướng hảo quang minh vô đẳng luân,
Bạch hào uyển chuyển ngũ Tu-Di,
Hám mục trừng thanh tứ đại hải,
Quang trung hóa Phật vô số ức,
Hóa Bồ-tát chúng diệt vô biên,
Tứ thập bát nguyện độ chúng-sanh,
Cửu phẩm hàm linh đăng bỉ ngạn.

(1 lần) tiếp niệm:

Nam-mô Tây-phương Cực-lạc Thế-giới Đại-từ Đại-bi Đại-nguyện Đại-lực tiếp dẫn đạo-sư A-Di-Đà Phật. (10 lần).

Nam-mô A-Di-Đà Phật. 10 tiếng hay là 10 hơi cũng được.

Nam-mô Tây-phương cực-lạc Thế-giới Vạn-Ức tử-kim thân Quan-Thế-Âm Bồ-Tát. (10 lần).

Nam-mô Tây-phương Cực-lạc Thế-giới Vô biên-Quang trí thân Đại-Thế Chí Bồ-Tát. (10 lần).

Nam-Mô Tây-phương Cực-lạc Thế-giới Mãn-phần nhị-nghiêm thân thanh-tịnh Đại-hải-Chúng Bồ-Tát. 10 lần.

Niệm rồi đảnh lễ ba lạy, lạy rồi tiếp niệm hai bài hồi-hướng rằng:

1° Bài (Sám thập-phương)

Thập-phương tam thế Phật,
A-Di-Đà đệ nhứt;
Cửu phẩm độ chúng-sanh,
Oai đức vô cùng cực;
Ngả kim đại Qui-y,
Sám-hối tam nghiệp lội;
Phàm hửu chư phước thiện,
Chí tâm dụng hồi hướng;
Nguyện đồng niệm Phật nhơn,
Cãm ứng tùy thời hiện;
Lâm-chung Tây-phương cảnh,
Phân minh tại mục tiền;
Kiến văn giai tinh-tấn
Đồng sanh Cực-lạc quốc;
Kiến Phật liễu sanh tử,
Như Phật Độ nhứt thế;

2° Bài (Sám nhứt-tâm)

Nhứt tâm qui mạng Cực-lạc, thế-giới A Di-Đà-Phật, nguyện dĩ tịnh quang chiếu ngã, từ thệ nhiếp ngã, ngã kim chánh niệm, xưng Như-lai danh, vị Bồ-đề đạo, cầu sanh Tịnh-độ.

Phật tích bản thệ: nhược hữu chúng-sanh, dục sanh ngã quấc, chí tâm tín nhạo, nãi chí thập niệm, nhược bất sanh giả, bất thủ chánh giác; dỉ thử niệm Phật nhơn duyên, đắc nhập Như-lai đại thệ hải trung thừa Phật từ-lực, chúng tội tiêu diệt, thiện căn tăng trưởng.

Nhược lâm dục mạng chung, dự tri thời chí, thân vô binh khổ, tâm bất tham luyến, ý bất điên đảo, như nhập thiền định, Phật cập thánh chúng, thủ chấp kim đài, lai nghinh tiếp ngã ư nhứt niệm khoảnh, sanh Cực-lạc quấc, hoa khai kiến Phật, tức văn Phật thừa, đốn khai Phật huệ, quảng độ chúng-sanh, mãn Bồ-Đề nguyện! quảng độ chúng-sanh, mãn Bồ-Đề nguyện!

Niệm rồi đảnh lễ ba lạy, tiếp niệm bài chú vãng sanh rằng:

Nam-mô a di đa bà dạ chuyết, tha dà đá, dạ chuyết trại, dạ tha a di lý, đô bà tì, a di lý chuyết, tất đam bà tì, a di lý chuyết tì ca lan đế, a di lí chuyết, tì ca lan chuyết, dà di nị, dà dà na, chỉ đa ca lệ, ta bà ha. (7 lần)

Tiếp xưng tam qui-y rằng :

Tự qui-y Phật, đương nguyện chúng-sanh, thể giải đại đạo, phát vô thượng tâm. (lễ 1 lạy)

Tự qui-y Pháp, đương nguyện chúng-sanh, thâm nhập kinh tạng, trí huệ như hải. (lễ 1 lạy)

Tự qui-y Tăng, đương nguyện chúng-sanh, thống lý đại-chúng, nhứt thế vô ngại. (lễ 1 lạy)

Xưng lạy đủ rồi, chấp tay cung kính lui ra.

Sau khi làm nghi thập-niệm rồi, muốn lần chuỗi niệm Phật số nhiều, hay tụng kinh thêm nữa, càng tốt, bằng không cũng đặng, đừng chấp.

LỚP THỨ HAI :

Khi tới thời niệm Phật, súc miệng, rửa tay, rửa mặt rồi, thay quần áo sạch, tới trước chỗ thờ Phật, cung kính oai nghi, thắp đèn dâng hương rồi, đảnh lễ ba lạy, lạy rồi hoặc đứng hoặc qui, hoặc ngồi kiết dà, nhắm mắt, chấp tay, tịnh tâm một hồi rồi niệm :

Nam-mô Tây-phương Cực-lạc thế-giới tiếp dẫn đạo sư A-Di-Đà Phật (3 lần)

Nam-mô A-Di-Đà Phật. (10 lần)

Nam-mô Quan-thế-Âm Bồ-tát. (10 lần)

Nam-mô Đại-thế-Chí Bồ-tát. (10 lần)

Nam-mô Nhứt-thế Bồ-tát Thinh-Văn chư-thượng thiện-nhơn. (10 lần)

Niệm đủ rồi lễ ba lạy, rồi niệm bài kệ hồi-hướng rằng :

Nguyện đồng niệm Phật nhơn,
Đồng sanh Cực-lạc quấc,
Kiến Phật liễu sanh-tử,
Như Phật độ nhứt thế. (1 lần)

Tiếp niệm ba câu nguyện quấc-văn rằng :

Thứ nhứt con nguyện, ông bà cha mẹ, nội ngoại hai bên, kẻ thác siêu lên, người còn mạnh khoẻ.

Thứ hai con nguyện, xa gần lớn nhỏ, phước thọ vinh-hoa, tin đạo Di-Đà, ăn chay niệm Phật.

Thứ ba con nguyện, thân con an ổn, no ấm trọn đời, sống hưởng phước trời, thác về cỏi Phật, (1 lần)

(tiếp niệm) *Nam-mô A-Di-Đà Phật.* (3 lần)

Niệm rồi lễ ba lạy, chấp tay cúi đầu đi ra.

Hằng ngày giữ thường như vậy, quyết định vãng-sanh.

Các ngày vía Phật vía Bồ-Tát :

Vía lắm nhiều, e người tu hành ngày nay không đủ sức làm lễ kỷ-niệm cho châu-tất, nên đây chỉ lược mấy cần yếu như sau :

1· Mồng một tháng giêng : Vía Phật Di-Lặc ;
2· Rằm tháng hai : Vía Phật Thích-Ca Niết-bàn ;
3· Ngày mười chín tháng hai : Vía Quan-thế-Âm ;

4° Ngày mười sáu tháng ba: Vía đức Chuẩn-Đề;

5° Ngày mồng tám tháng tư: Vía Phật Thích-Ca giáng-sanh;

6° Ngày mười chín tháng sáu: Vía đức Quan-Âm;

7° Ngày mười ba tháng bảy: Vía đức Thế-Chí;

8° Ngày ba mươi tháng bảy: Vía đức Địa-Tạng;

9° Ngày mười chín tháng chín: Vía đức Quan-Âm;

10° Ngày mười bảy tháng mười một: Vía Phật Di-Đà;

11° Ngày mồng tám tháng chạp: Vía Phật Thích-Ca thành đạo.

gặp mấy ngày vía ấy, nên hương hoa trà quả cúng dường, và ăn chay thì tốt lắm.

Phép ăn chay:

Ăn chay có hai phép, 1° phép trường-trai, 2° phép đoản trai.

Trường trai, là ăn chay mãng đời.

Đoản trai, là ăn chay kỳ, hoặc mỗi tháng ăn chay sáu ngày, gọi là lục trai; hoặc mỗi tháng ăn chay mười ngày gọi là thập trai; hoặc mỗi năm ăn chay "chánh, ngũ, cửu", gọi là tam nguyệt trai

Ngày lục trai

Mồng tám.— mười bốn.— rằm.— hăm ba.— hăm chín.— ba mươi.

Như gặp tháng thiếu ăn thối lại ngày hăm tám và hăm chín.

Ngày thập trai

Mồng một.— mồng tám.— mười bốn.— rằm.— mười tám.— hăm ba.— hăm bốn.— hăm tám.— hăm chín.— ba mươi.

Như gặp tháng thiếu ăn thối lại ngày hăm bảy.— hăm tám.— hăm chín.

Tam ngoạt trai

Hằng năm ăn chay mãn tháng giêng.— tháng năm.— tháng chín.

Phụ pháp nghi trì chú

Hằng ngày làm nghi niệm Phật rồi, như muốn kiêm tu mật-tôn, thì trì chú Chuẩn-Đề. Chú ấy thông nhiếp cả các chú, cũng như biển lớn thống nhiếp cả các sông; oai thần rất lớn dẹp trừ ma-quân, chữa lành trăm bịnh, tiêu được tai nạn, thêm được phước duyên, chí thành trì niệm, nguyện cầu việc gì cũng đều như ý.

Pháp nghi trì chú cũng phân được làm hai lớp.

LỚP THỨ NHỨT

Tới thời tri chú, súc miệng, rửa tay, rửa mặt, thay áo quần rồi, tới trước chỗ thờ đức Chuẩn-Đề, như không thờ ngài, thì tới trước chỗ thờ Phật, cung kính thắp hương rồi, đảnh lễ ba lạy, lạy rồi, tay trái kiết ấn độc-quyền, tay mặt cầm chuỗi, hoặc đứng, hoặc quì, hoặc ngồi kiết dà, nhắm mắt tịnh tâm một hồi, rồi niệm bài táng Chuẩn-Đề rằng:

Chuẩn-Đề công đức tụ, tịch tịnh tâm thường tụng, nhứt thế chư đại nạn, vô năng xâm thị nhơn, thiên thượng cập nhơn gian, thọ phước như Phật đẳng, ngộ thử như ý châu, định hoạch vô đẳng đẳng.

Khể thủ Qui-y tô tất đế,
Đầu diện đảnh lễ Thất-Cu-đê,
Ngã kim xưng táng Đại-Chuẩn-Đề,
Duy nguyện từ-bi thùy gia hộ. (1 lần)

Nam-mô Thất-Cu-Đê Phật mẫu Đại-Chuẩn-Đề-Vương Bồ-tát. (3 lần)

Đảnh lễ 3 lạy, tiếp niệm chú Tịnh-pháp giới rằng:

Án-lãm, (21 lần)

Tiếp niệm chú Hộ-thân rằng:

Án-Xỉ-Lấm. (21 lần)

Tiếp niệm chú Lục-tự đại-minh rằng:

Án ma ni bát di hồng. (108 lần)

Tiếp niệm chú Chuẩn-Đề rằng:

Nam-mô tát đa nẫm, tam miệu tam bồ đà, cu đê nẫm, đát điệt tha, Án, chiết lệ chủ lệ chuẩn-đề ta bà ha; bộ lâm. (108 lần)

Niệm đủ rồi, xả ấn trên đảnh, mang chuỗi vào cổ, niệm những bài hồi-hướng rằng:

Ngã kim trì tụng Đại-Chuẩn-Đề,
Tức phát bồ-đề quảng đại nguyện;
Nguyện ngã định huệ tốc viên-minh,
Nguyện ngã công-đức dai thành tựu;
Nguyện ngã thắng phước biến trang nghiêm,
Nguyện cọng chúng-sanh thành Phật đạo;
Ngã tích sở tạo chư ác nghiệp,
Giai do vô-thỉ tham sân si;
Tùng thân ngữ ý chi sở sanh,
Nhứt thiết ngã kim giai sám hối;
Nguyện ngã lâm dục mạng chung thời,
Tận trừ nhứt thế chư chướng ngại;
Diện kiến bỉ Phật A-Di-Đà,
Tức đắc vảng sanh An-lạc sát.

Phục nguyện Tam-bảo chứng minh, oai thần hộ niệm, Bồ-tát Thinh-Văn, Phạn-vương Đế-thích, tứ thiên vương chúng, thiên long bác bộ, hộ pháp thần vương, nhứt thiết thiện thần, đồng thùy ủng hộ đệ-tử cập nhứt thế nhơn đẳng, tiêu diệt tà ma ngoại đạo, ly my vọng lượng, yêu quái ác linh, áp trừ chú trớ tật bịnh lội khiên, tai nạn hoạnh ương, nhứt thế ác duyên, tất đai tiêu diệt, phổ nguyện tứ thời an lạc, sở trụ phong nhiêu, phước huệ tăng long, tùy tâm mãn nguyện.

Nguyện sanh Tây-phương Tịnh-độ trung,
Cửu phẩm liên-hoa vi phụ mẫu,
Hoa khai kiến Phật ngộ vô sanh,
Bất thối Bồ-tát vi bạn lữ.

Niệm rồi đảnh lễ ba lạy, chấp tay cúi đầu lui ra.

LỚP THỨ HAI

Súc miệng, rửa tay, rửa mặt, thay áo quần rồi, tới trước chổ thờ đức Chuẩn-Đề, hay là tượng Phật, thắp đèn dâng hương rồi, niệm câu :

Nam-mô Thất-Cu-Đê-Phật-Mẫu-Đại-Chuẩn-Đề-Vương-Bồ-Tát. (3 lần)

Đảnh lễ 3 lạy. Nhắm mắt tịnh tâm một hồi, rồi hai tay cầm chuổi vừa lần vừa niệm.

Niệm chú : *Án-lảm* (7 lần).

Niệm chú : *Xỉ-lấm* (7 lần).

Niệm chú : *Án ma ni bát di hồng* (21 lần).

Niệm chú : *Án chiết lệ chủ lệ chuẩn-đề ta bà ha bộ lâm* (108).

Niệm đủ rồi tiếp niệm bài kệ hồi hướng rằng :

Ngả kim trì tụng Đại-Chuẩn-Đề,
Nguyện trừ nhứt thế chư chướng ngại ;
Diện kiến bỉ Phật A-Di-Đà,
Tức đắc vãng-sanh An-lạc-sát.

Niệm rồi lễ 3 lạy, chấp tay cúi đầu lui ra.

Phép kiết-ấn độc-quyền

Lấy đầu ngón tay cái bấm lại ngấn chữ « tí », tức là gốc chân ngón tay « vô danh », rồi nắm bốn ngón kia lại, như nắm Cú vậy.

Kiết-ấn tay trái tay mặt cũng in một cách.

Phép ngồi kiết dà

Phép kiết toàn dà : Trước lấy chơn bên mặt gát lên trên về chơn bên trái, rồi lấy chơn bên trái,

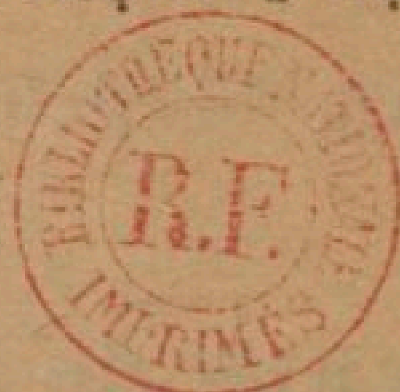
gát lên trên về chơn bên mặt ; vậy gọi là « kim-cang chánh-tọa ».

Phép kiết bán dả : có hai phép :

1° Lấy chơn bên trái gác lên trên về chơn bên mặt gọi là « Kiết-tường tọa » ;

2° Lấy chơn bên mặt gác lên trên về chơn bên trái gọi là « Hàng-ma tọa ».

Hai pháp-nghi trên đây có chánh có trợ, niệm Phật thuộc về chánh-nhơn, tri chú thuộc về trợ-duyên ; nguyên ở trong kinh Đại-thừa diền ra, nếu ai kim được hai nghi thì tốt lắm, bằng không tri chú, chỉ giử một nghi niệm Phật, thì cũng quyết định vãng-sanh.

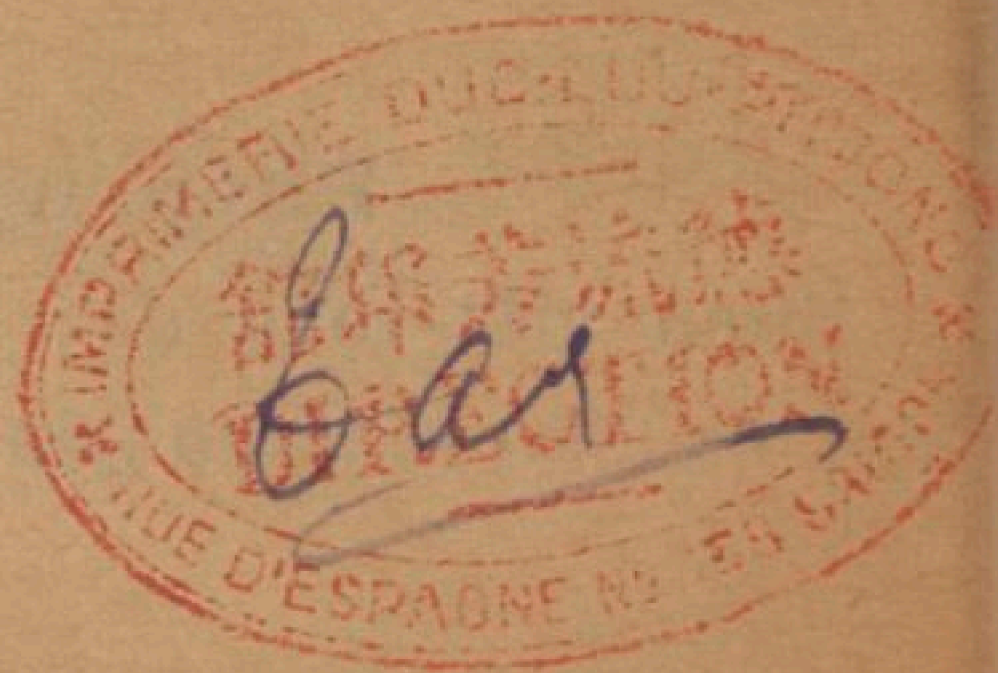


NAM-MÔ A-DI-ĐÀ PHẬT

Phục-Nguyện

Thập-phương độc-giả y-pháp phụng-hành,
Đồng-sanh Tây-phương, tề thành chánh giác.
Kính chúc kính chúc,

Saigon, le 7 Juillet 1939
Tirage 2000 exemplaires
Imp. DUC-LUU-PHUONG
Editeur : Trương văn Tuấn
15 rue d'Espagne Saigon
Directeur :



Phương danh của quí-vị ấn-tống

Madame VÕ-THỊ-CANH pháp danh DIỆU-TÂN
Madame PHẠM-THỊ-TÀI pháp danh DIỆU-LỘC

Chúng tôi ấn-tống sách nầy nguyện cầu Tam-bảo chứng minh cho tất cả gia quyến chúng tôi phát tâm dõng mãnh, kiên cố Bồ-đề, sống niệm Di-Đà, thác về Tịnh-độ.

Nam-mô A Di-Đà Phật,